

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO THEO ĐẶC THÙ ĐƠN VỊ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ

Ngành đào tạo thí điểm

*(Ban hành theo Quyết định số 2929/QĐ-ĐHQGHN, ngày 18 tháng 9 năm 2019
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Quản trị doanh nghiệp và công nghệ
 - + Tiếng Anh: Management of Enterprise and Technology
- Ngành đào tạo thí điểm
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quản trị doanh nghiệp và công nghệ
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Management of Enterprise and Technology
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Quản trị và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là chiến lược phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, Việt Nam cần phải đầu tư mạnh cho giáo dục và đào tạo để sớm có được một nguồn nhân lực với số lượng và chất lượng không ngừng được nâng cao theo kịp các chuẩn mực quốc tế và đặc biệt là nhu cầu tuyển dụng các cử nhân mới tốt nghiệp nhưng có đủ kỹ năng cơ bản để đảm nhiệm các vị trí trợ lý cho phòng ban, cho ban giám đốc và hội đồng quản trị các doanh nghiệp. Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị doanh nghiệp và công nghệ đào tạo ra các cử nhân có trình độ kiến thức liên

ngành, có cả kĩ năng tự nghiên cứu và kĩ năng thực hành tốt để có thể có việc làm ngay sau khi ra trường và chủ động tiếp tục học tập suốt đời để đổi mới, sáng tạo và tham gia vào các quá trình khởi nghiệp và phát triển bền vững các doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Quản trị doanh nghiệp và công nghệ đào tạo những cử nhân hội tụ 6 nhóm năng lực sau:

- Kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và quản trị công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu về kiến thức khi đảm nhiệm các vị trí trợ lí trưởng phòng hay trợ lí ban giám đốc;

- Kĩ năng sử dụng tiếng Anh (tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong các hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với đối tác nước ngoài, để đàm phán và kí kết các hợp đồng có yếu tố nước ngoài;

- Kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin (IT) nâng cao trong công tác quản trị doanh nghiệp;

- Kĩ năng nghiên cứu, tổ chức và tham gia xây dựng các chiến lược và kế hoạch liên quan tới chuyên ngành và vị trí việc làm căn cứ theo các học phần tự chọn hoặc kế hoạch kinh doanh/khởi nghiệp của cá nhân và gia đình sinh viên;

- Kĩ năng nghiên cứu, tổng hợp dữ liệu, biên soạn dự thảo điều lệ công ty, các nghị quyết, các văn bản quản trị và điều hành của ban giám đốc và hội đồng quản trị;

- Kĩ năng nghiên cứu, tổng hợp dữ liệu, đàm phán, biên soạn các hợp đồng mua/bán, hợp đồng chuyển giao công nghệ và các loại hợp đồng khác theo vị trí công tác trong các phòng ban tại doanh nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và theo Đề án tuyển sinh được phê duyệt hàng năm.



PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo có kiến thức lí thuyết chuyên sâu và có kiến thức thực tế trong lĩnh vực đào tạo để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lí cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức về công nghệ, doanh nghiệp, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo, có kiến thức cụ thể và năng lực chuyên môn như sau:

1.1. Kiến thức chung

- Kiến thức về lí luận chính trị: Đánh giá được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin; Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống;

- Kiến thức về ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo với các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh: Tổng hợp được nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường. Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục, thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương cùng cố và tăng cường sức khỏe. Sử dụng các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đặc thù. Đề xuất những kĩ thuật, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Tổng hợp được kiến thức cơ bản về tin học vào các hoạt động quản lí, tư vấn, nghiên cứu khoa học: Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng, khai thác một số dịch vụ, phần

mềm cần thiết trên Internet; Biết khai thác các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới;

- Đánh giá được kiến thức cơ bản về kinh tế, công nghệ, văn hóa, xã hội học, nhà nước và pháp luật vào công việc;

- Phân tích được những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và công nghệ;

- Tổng hợp được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo;

- Đánh giá được kiến thức trong việc khai thác, tổ chức, sử dụng thông tin một cách hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực khoa học, đạo đức, pháp luật nhằm nâng cao kết quả học tập và sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời.

1.3. Kiến thức của khối ngành

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế học để giải quyết các vấn đề thực tiễn của hoạt động kinh tế, xã hội;

- Thiết kế được các mô hình và công cụ quản trị tài chính và kế toán doanh nghiệp;

- Xây dựng được phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê để phân tích, đánh giá các mô hình kinh doanh, các mô hình phát triển doanh nghiệp bền vững;

- Xây dựng được kiến thức cơ bản về pháp luật, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội vào hoạt động kinh doanh, sản xuất.

1.4. Kiến thức liên ngành về các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp và công nghệ

- Thiết kế các mô hình, quy trình, công cụ hoạch định và thực thi các chiến lược và các kế hoạch ở các cấp độ và lĩnh vực khác nhau;

- Xây dựng được các kiến thức về công nghệ, sáng tạo, năng lực công nghệ, quản trị công nghệ để có thể vận dụng vào các công tác quản trị nhằm mục tiêu cạnh tranh và phát triển bền vững trong bối cảnh nền kinh tế 4.0;

- Tổng hợp các kiến thức về quản trị thương hiệu, quản trị marketing vào các công tác quản trị ở các cấp độ khác nhau;

- Xây dựng cách nghiên cứu về thị trường và hành vi người tiêu dùng, có tu duy chiến lược và quản trị chiến lược để có thể xây dựng và đưa ra những kế hoạch kinh doanh;

- Tổng hợp kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, quá trình phát triển doanh nghiệp, các mô hình phát triển doanh nghiệp bền vững; hiểu rõ tầm quan trọng của việc phát triển doanh nghiệp ở các cấp độ khác nhau nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của quốc gia;

- Xây dựng những mô hình cơ bản trong việc quản trị hệ thống thông tin và truyền thông cho doanh nghiệp;

- Đánh giá được các kiến thức công nghệ, quản trị công nghệ liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại hóa và sự tương quan giữa quản trị doanh nghiệp và quản trị công nghệ để giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định tối ưu ở các cấp độ khác nhau.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

2.1. Kĩ năng chuyên môn

2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp

- Có kĩ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề, công việc thực tế trong lĩnh vực được đào tạo;

- Biết tổ chức và tham gia xây dựng các chiến lược và kế hoạch liên quan tới chuyên ngành và vị trí việc làm căn cứ theo các học phần tự chọn hoặc kế hoạch kinh doanh/khởi nghiệp của cá nhân và gia đình sinh viên;

- Thành thạo trong biên soạn dự thảo điều lệ công ty, các nghị quyết, các văn bản quản trị và điều hành của ban giám đốc và hội đồng quản trị;

- Có kĩ năng đàm phán, biên soạn các hợp đồng mua/bán, hợp đồng chuyên giao công nghệ và các loại hợp đồng khác theo vị trí công tác trong các phòng ban tại doanh nghiệp.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có kĩ năng lập luận, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và công nghệ.



2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và công nghệ.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có kĩ năng lập luận, tư duy theo hệ thống để phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và công nghệ.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và công nghệ. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức để áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và công nghệ.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn;
- Có năng lực phân tích yêu cầu, đề xuất giải pháp và thực thi giải pháp;
- Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp;
- Có khả năng sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kĩ năng cần thiết để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.

2.2. Kĩ năng bổ trợ

2.2.1. Các kĩ năng cá nhân

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; định hướng mục tiêu phát triển của bản thân;
- Có kĩ năng quản lí thời gian, phân bổ công việc cá nhân hợp lí.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

- Có khả năng hình thành nhóm nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động xã hội;
- Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm;
- Có kĩ năng phối hợp làm việc nhóm, phát triển nhóm và làm việc trong các nhóm khác nhau.



2.2.3. Quản lí và lãnh đạo

- Có khả năng quản lí, lãnh đạo và tổ chức một cách sáng tạo các hoạt động trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức như kĩ năng thuyết phục, kĩ năng lắng nghe, kĩ năng nhận diện nhu cầu và các dạng động cơ làm việc; thúc đẩy tính tích cực của người lao động; sử dụng phong cách làm việc khoa học; tạo lập môi trường làm việc hiệu quả.

2.2.4. Kĩ năng giao tiếp

- Biết chủ động và sáng tạo trong lập luận, sắp xếp ý tưởng, thiết lập các cuộc trao đổi về các vấn đề thuộc Quản trị doanh nghiệp và công nghệ và các vấn đề thuộc các lĩnh vực liên quan trong bối cảnh toàn cầu;

- Có khả năng thuyết trình, trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng, đàm phán trong kinh doanh;

- Có khả năng nghe với tư duy phản biện;

- Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện.

2.2.5. Kĩ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có khả năng giao tiếp văn bản hiệu quả bằng tiếng Anh (Bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam);

- Có khả năng nghe, hiểu, đọc, viết các tài liệu chuyên ngành có liên quan đến Quản trị doanh nghiệp và công nghệ;

- Kĩ năng sử dụng tiếng Anh (Bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong các hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với đối tác nước ngoài, để đàm phán và kí kết các hợp đồng có yếu tố nước ngoài;

- Có khả năng giao tiếp đa phương tiện hiệu quả bằng tiếng Anh.

3. Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức



tập về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Yêu tổ quốc và tôn trọng con người;
- Có ý thức rèn luyện sức khỏe bản thân;
- Trung thực, khiêm tốn, tự tin, dũng cảm;
- Tinh thần tự học, tự rèn luyện, tu dưỡng và làm chủ bản thân suốt đời;
- Sáng tạo, say mê, tinh thần tự phê bình và phê bình cao.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Thích ứng tốt với thực tế cuộc sống;
- Tuân thủ quy định hành nghề theo luật pháp;
- Quản lý thời gian và nguồn lực một cách tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nhất;
- Nghiêm túc trong công việc, tôn trọng đối tác, giữ chữ tín;
- Lập trường vững vàng và khách quan, dám chịu trách nhiệm;
- Cố gắng, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc;
- Cầu thị, khám phá và học hỏi từ thực tế.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Có lối sống tích cực, có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội;
- Cam kết; đóng góp cho phát triển cộng đồng và bảo vệ môi trường sống theo khả năng;
- Tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống;
- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức;
- Nghiêm túc trong cuộc sống.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1: Trợ lý cho các Giám đốc chuyên môn, Giám đốc điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị của doanh nghiệp;

- Nhóm 2: Trợ lý cho các Trưởng phòng tại các doanh nghiệp. Có thể làm trợ lý cho các Trưởng Phòng Chiến lược, Kế hoạch, Công nghệ, Tài chính, Nhân



lực, Sản xuất, Marketing, Bán hàng, Dịch vụ chăm sóc khách hàng... (tùy theo định hướng lựa chọn và đam mê nghiên cứu của sinh viên);

- Nhóm 3: Nhà doanh nghiệp khởi nghiệp (Entrepreneur), tất cả các cử nhân Quản trị doanh nghiệp và công nghệ có đạo đức tốt và kết quả học tập từ loại trung bình khá trở lên đều có khả năng nghiên cứu thị trường, tìm hiểu cơ hội, tìm kiếm đối tác, liên tục học tập và sáng tạo trong quá trình khởi nghiệp theo đam mê và năng lực tài chính của gia đình;

- Nhóm 4: Trợ lý hoặc chuyên viên cho các cơ quan và tổ chức. Tất cả các cử nhân Quản trị doanh nghiệp và công nghệ có đạo đức tốt và kết quả học tập từ loại trung bình khá trở lên đều có khả năng tìm kiếm việc làm trợ lý hay chuyên viên cho các cơ quan quản lý và các tổ chức chính phủ hoặc phi chính phủ.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Quản trị doanh nghiệp và công nghệ có cơ hội học lên bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị an ninh phi truyền thống, Quản trị và phát triển bền vững.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	156 tín chỉ
<i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	
- Khối kiến thức chung:	21 tín chỉ
<i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	31 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	13 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	24 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	67 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	34 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	15/30 tín chỉ
+ Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp:	18 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)		21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party</i>	2	20	10	0	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	35	20	
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		31				
10	HSB1001	Quản trị học <i>Management</i>	4	50	10	0	
11	HSB1002	Kinh tế học <i>Economics</i>	4	50	10	0	
12	HSB1003	Phân tích dữ liệu <i>Data Analysis</i>	4	25	30	5	
13	HSB1004	Luật Kinh doanh và đạo đức kinh doanh <i>Business Law and Ethics</i>	4	50	10	0	
14	HSB1005	Nguyên lý kế toán <i>Accounting</i>	4	40	20	0	
15	HSB1006	Quản trị tài chính doanh nghiệp <i>Management of Corporate Finance</i>	4	45	15	0	HSB1005

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
16	INT1003	Tin học cơ sở 1 <i>Introduction of Informatics 1</i>	2	10	20	0	
17	INT1006	Tin học cơ sở 4 <i>Introduction of Informatics 4</i>	3	20	23	2	INT1003
18	HSB1008	Kĩ năng nghề nghiệp <i>Professional skills</i>	2	15	15	0	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		13				
19	HSB2001	Tư duy chiến lược và quản trị chiến lược <i>Strategic Thinking and Strategic Management</i>	4	50	10	0	
20	HSB2002	Marketing và Nghiên cứu thị trường <i>Marketing and Market Research</i>	3	30	15	0	
21	HSB2003	Kinh doanh toàn cầu <i>Global Business</i>	3	30	15	0	
22	HSB2004	Quản trị thương hiệu và tài sản trí tuệ <i>Management of Branding and Intellectual Property</i>	3	30	15	0	HSB2001
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		24				
23	HSB2005	Tổng quan về công nghệ thông tin <i>Overview of Information Technology</i>	4	15	42	3	
24	HSB2006	Lập trình và ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh <i>Programming and Application of Information Technology in business</i>	4	20	35	5	HSB2005
25	HSB2007	Tổng quan về Hệ thống công nghệ và thiết kế hệ thống <i>Overview of Technology System and System Engineering</i>	5	40	30	5	
26	HSB2008	Thương mại điện tử <i>E-commerce</i>	3	30	15	0	
27	INT2209	Mạng máy tính <i>Computer Networks</i>	4	40	20	0	INT1006
28	INT2207	Cơ sở dữ liệu <i>Database</i>	4	40	20	0	INT1006

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
V	Khối kiến thức ngành		67				
V.1	Các học phần bắt buộc		34				
29	HSB3001	Quản trị nguồn nhân lực và nhân lực khoa học công nghệ <i>Management of Human resources and Science-Tech Personnel</i>	3	30	15	0	HSB1001
30	HSB3002	Khởi nghiệp và phát triển năng lực công nghệ <i>Business Start-up and Development of Technology Capabilities</i>	3	30	15	0	HSB1001 HSB1004 HSB2002
31	HSB3003	Dự án thiết kế sản phẩm dịch vụ <i>Product/Service Design Project</i>	3	15	30	0	HSB2005 HSB2007
32	HSB3004	Quản trị công nghệ sản xuất và chuỗi cung ứng <i>Management of Production Technology and Supply Chain</i>	3	30	15	0	
33	HSB3005	Kĩ năng Marketing hàng tiêu dùng, hàng công nghệ và dịch vụ <i>Marketing skills for Consumables, Technological Equipments and Services</i>	4	25	35	0	HSB2002
34	HSB3006	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3	30	15	0	HSB3004
35	HSB3007	Đàm phán và Quản trị hợp đồng chuyển giao công nghệ <i>Negotiation and Management of Technology Transfer Contracts</i>	3	30	15	0	HSB1004
36	INT2204	Lập trình hướng đối tượng <i>Object-oriented Programming</i>	3	30	15	0	INT1006
37	INT3306	Phát triển ứng dụng Web <i>Web Application Development</i>	3	30	15	0	INT2204 INT2207
38	HSB3008	Quản trị công nghệ môi trường <i>Environment technology management</i>	3	30	15	0	HSB2007
39	INT3307	An toàn và an ninh mạng <i>Network Safety and Security</i>	3	39	6	0	INT2209

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
V.2	Các học phần tự chọn		15/30				
40	HSB3009	Chụp ảnh và photoshop <i>Photography and Photoshop</i>	3	15	30	0	
41	HSB3010	Quản trị công nghệ thông tin và truyền thông <i>Management of ICT</i>	3	30	15	0	HSB2005
42	HSB3011	Âm nhạc và nghệ thuật trong kinh doanh <i>Music and Art in Business</i>	3	15	30	0	
43	HSB3012	Quản trị kiến trúc và công nghệ Cơ khí-Xây dựng <i>Management of Architecture and Construction Engineering Technology</i>	3	15	30	0	HSB2007
44	HSB3013	Quản trị công nghệ chế biến thực phẩm <i>Management of Foods Processing Technology</i>	3	30	15	0	HSB2007
45	HSB3014	Hội họa và thiết kế tư liệu cho Marketing và thương hiệu <i>Painting and Design of Marketing and Branding Materials</i>	3	15	30	0	
46	HSB3015	Quản trị tri thức, công nghệ và sáng tạo <i>Management of Knowledge, Technology and Innovation</i>	3	30	15	0	HSB1001
47	HSB3016	Văn hóa doanh nghiệp và giao tiếp đa văn hóa <i>Business culture and cross-cultural communications</i>	3	30	15	0	
48	INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin <i>Advanced Topics in Information Technology</i>	3	21	24	0	INT1003
49	INT3301	Thực hành hệ điều hành mạng <i>Network Programming</i>	3	30	15	0	INT2209
V.3	Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp		18				
50	HSB4001	Thực tập 1 <i>Internship 1</i>	4				
51	HSB4002	Thực tập 2 <i>Internship 2</i>	4				

STT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
52	HSB4003	Khóa luận/Dự án khởi nghiệp <i>Graduation thesis/project</i>	10				
Tổng cộng			156				

Ghi chú:

- Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kì, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy;

- Học phần in đậm là học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.